TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 733/2023/QĐST- HNGĐ	*Tân Phú, ngày 08 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 617/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phạm Hoàng A , sinh năm 1980; Trú tại: 48/43 Phạm Văn Xảo, phường Ph , quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Nguyễn Thị Tuyết M , sinh năm 1988; Trú tại: 48/43 Phạm Văn Xảo, phường Ph , quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà M tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 3, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 12/5/2016.

Trong thời gian chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không chia sẻ được với nhau. Ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống ngày có nhiều bất hòa không giải quyết được. Nay hai bên nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông A và bà M có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Xuân H , sinh ngày 10/9/2017. Hai bên thoả thuận ông Anh trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông A không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Ông A và bà M cùng khai không có

[4] Về các vấn đề khác: Ông A và bà M cùng khai không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hoàng A và bà Nguyễn Thị Tuyết M thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Phạm Hoàng A và bà Nguyễn Thị Tuyết M (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 12/5/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 3, Thành phố H) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông A trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Nguyễn Xuân H , sinh ngày 10/9/2017. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà M do ông A không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Bà M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông A và bà M cùng khai không có.

- Về các vấn đề khác: Ông A và bà M xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do ông Anh và bà Mai chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông Anh và bà Mai đã nộp theo Biên lai thu số 0006343 ngày 06/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyết Nhung